GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

VĂN ĐÌNH CƯỜNG

NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ VINH

Ngành : Giáo dục học
Mã số : 9140101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

BẮC NINH – 2020

Công trình được hoàn thành tại: Trường ĐH TDTT Bắc Ninh

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS Phạm Đình Bẩm

2.TS. Trần Trung

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Kim Xuân
Đơn vị công tác: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Phản biện 2: PGS.TS Phạm Xuân Thành
Đơn vị công tác: Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội

Phản biện 3: TS. Trương Anh Tuấn
Đơn vị công tác: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ tại: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng 06 năm 2020

Có thể tìm luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN

MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài: Giáo dục thể chất (GDTC) là một quá trình sư phạm nhằm bảo vệ, tăng cường sức khỏe, hoàn thiện thể chất, rèn luyện nhân cách và trang bị những kỹ năng vận động cần thiết cho mỗi cá nhân trong cuộc sống. Thể chất và sự phát triển thể chất là một bộ phận quan trọng của giáo dục sức khỏe. Thể chất phát triển theo qui luật tự nhiên và chịu ảnh hưởng rất lớn của giáo dục. Trong đó GDTC đóng vai trò quyết định đến quá trình phát triển thể chất và tăng cường sức khỏe cho con người.

Cùng với việc nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và nâng cao chất lượng GDTC cho sinh viên nói riêng đang được cán bộ chuyên môn và lãnh đạo các trường quan tâm. Vấn đề này ở một số Học viện, trường Đại học và Cao đẳng trên toàn quốc đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu. Tuy nhiên các giải pháp nâng cao chất lượng công tác GDTC mà các trường sử dụng chưa thường xuyên liên tục và chưa hiệu quả. Đặc biệt giải pháp xã hội hóa trong các hoạt động thể dục thể thao(TDTT) của nhà trường chưa có tác giả nào ứng dụng. Chính vì lẽ đó chúng tôi tiến hành ***"Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên các trường Đại học tại thành phố Vinh"***.

Mục đích nghiên cứu: Mục đích nghiên cứu của đề tài là thông qua cơ sở lý luận, cơ sở thực tế về chất lượng công tác GDTC tại các trường Đại học trên địa bàn thành phố Vinh. Từ đó lựa chọn và ứng dụng các giải pháp thích hợp, có tính khả thi theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo GDTC cho sinh viên các trường Đại học tại thành phố Vinh cũng như thực hiện mục tiêu phát triển GDTC của Đảng và Nhà nước.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích nghiên cứu đặt ra đề tài đưa ra các nhiệm vụ cụ thể:

Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu thực trạng công tác GDTC ở các

trường Đại học tại thành phố Vinh.

Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho sinh viên các trường Đại học ở thành phố Vinh.

Nhiệm vụ 3: Đánh giá hiệu quả về những giải pháp đã lựa chọn nhằm nâng cao chất lượng GDTC tại trường Đại học Vinh.

Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Là các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên các trường Đại học ở thành phố Vinh.

Khách thể nghiên cứu:

Là sinh viên và giáo viên, nhà quản lý công tác TDTT của các trường Đại học tại thành phố Vinh gồm.

Phạm vi nghiên cứu:

- Số lượng mẫu nghiên cứu: Là 40 giáo viên, cán bộ quản lý công tác TDTT và 1486 sinh viên các trường Đại học tại Thành phố Vinh.
- Địa điểm nghiên cứu: Tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh và các trường Đại học ở Thành phố Vinh.
- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 12 năm 2019.
- Giới hạn nghiên cứu: Luận án giới hạn là "chất lượng GDTC" của các trường Đại học tại Thành phố Vinh, trong luận án yêu cầu đánh giá thực trạng công tác GDTC của các trường từ đó đề xuất lựa chọn các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng GDTC ở các trường Đại học tại Thành phố Vinh.

NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

- Luận án đã đánh giá được chi tiết t thực trạng công tác giáo dục thể chất của các trường Đại học tại Thành phố Vinh gồm: Thực trạng về chương trình môn học GDTC nội khóa; Thực trạng đội ngũ cán bộ giảng viên TDTT; Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC; Thực trạng về các hoạt động thể thao ngoại khóa; Thực trạng về GDTC nội khóa; Thực trạng về chất

lượng GDTC của sinh viên các trường; Thực trạng về công tác GDTC của các trường; Thực trạng sử dụng các giải pháp của các trường đại học tại thành phố Vinh.

- Đã đề xuất và phỏng vấn lựa chọn được 6 nhóm giải pháp với 22 giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng GDTC của các trường Đại học tại Thành phố Vinh gồm: Nhóm giải pháp về thông tin tuyên truyền gồm 2 giải pháp; Nhóm giải pháp về cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giảng viên TDTT gồm 6 giải pháp; Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách gồm 3 giải pháp; Nhóm giải pháp về chương trình nội khóa, ngoại khóa gồm 4 giải pháp; Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất trang thiết bị gồm 3 giải pháp; Nhóm giải pháp về xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường gồm 4 giải pháp.

- Ứng dụng thực nghiệm với 02 giải pháp bước đầu đã thu được kết quả rất khả thi khi các chỉ số về thể lực chung, kết quả học tập GDTC nội khóa của sinh viên tăng lên rõ rệt; Số lượng và chất lượng các CLB thể thao ngoại khóa hoạt động thường xuyên được tăng lên; Thành tích thể thao của nhà trường đạt được là rất cao; Nguồn kinh phí huy động được để phục vụ các hoạt động TDTT của nhà trường sau hai năm thực nghiệm là đáng khích lệ.

CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án gồm 131 trang A4: Gồm các phần: Mở đầu (04 trang); Chương 1 - Tổng quan các vấn đề nghiên cứu (48 trang); Chương 2 - Phương pháp tổ chức nghiên cứu (8 trang); Chương 3 - Kết quả nghiên cứu và bàn luận (68 trang); Kết luận và kiến nghị (03 trang). Luận án sử dụng 83 tài liệu, trong đó có 75 tài liệu văn bản quy phạm pháp luật, sách, đề tài, luận án, 03 tài liệu nước ngoài bằng tiếng Anh và tiếng Trung và 05 địa chỉ website. Ngoài ra, còn có 32 biểu bảng và 14 biểu đồ.

B. NỘI DUNG LUẬN ÁN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục thể chất trong trường học.

1.2. Vai trò của giáo dục thể chất đối với mục tiêu giáo dục toàn diện ở nước ta.

1.3. Công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học hiện nay.

1.4. Cơ sở lý luận khoa học tổ chức và quản lý giáo dục thể chất

1.5. Các hình thức tổ chức buổi học thể dục thể thao trong trường học

1.6. Những yếu tố ảnh hưởng đến công tác giáo dục thể chất trong các trường Đại học.

1.7. Một số công trình nghiên cứu có liên quan

Qua nghiên cứu luận án đi đến một số kết luận chương 1 như sau:

- TDTT nói chung và công tác GDTC trường học nói riêng được xác định là một bộ phận không thể thiếu, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.
- Phát triển TDTT trường học nhằm nâng cao thể lực cho học sinh, sinh viên, tiến tới nâng cao tầm vóc người Việt Nam là một trong những nhiệm vụ trong chiến lược phát triển TDTT trong giai đoạn tới
- Nhận thức về tầm quan trọng của việc tập luyện TDTT thường xuyên là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng GDTC trong Nhà trường

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án đã đặt ra chúng tôi sử dụng những phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn tọa

đàm; Phương pháp kiểm tra sư phạm; Phương pháp kiểm tra Y học; Phương pháp thực nghiệm sư phạm; Phương pháp toán học thống kê

2.2. Tổ chức nghiên cứu

Từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 12 năm 2019.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Thực trạng công tác giáo dục thể chất ở các trường Đại học tại thành phố Vinh.

3.1.1. Thực trạng chương trình môn học giáo dục thể chất ở các trường Đại học tại thành phố Vinh.

Chương trình môn học GDTC ở các trường Đại học tại thành phố Vinh chưa thống nhất với nhau về số lượng tín chỉ, các môn giảng dạy cũng như cách phân bổ số giờ trong các học kỳ. Cách tính giờ quy chuẩn cho giảng viên còn thấp nên thiệt thòi cho giáo viên. Điều này làm ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác GDTC ở các trường và thiệt thòi cho người học cũng như người dạy.

3.1.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên thể dục thể thao các trường Đại học tại thành phố Vinh.

Về số lượng: với trung bình của các trường có tỷ lệ hơn 800sv/1GV so với chuẩn định mức so với Đề án phê duyệt của Chính phủ.

Về trình độ: Giảng viên trường Đại học Vinh 100% có trình độ sau đại học, các trường còn lại đang còn một số giảng viên mới rtrinhf độ ĐH.

Về tuổi đời: Các trường có đội ngũ cán bộ GV chủ yếu nằm khoảng từ 30-50 tuổi. Ở độ tuổi này cán bộ đã có đủ kinh nghiệm trong công tác cũng như đang còn nhiều năm cống hiến cho việc giảng dạy được ổn định lâu dài.

3.1.3. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục thể chất ở các trường Đại học tại thành phố Vinh.

Cơ sở vật chất của các trường còn yếu kém cả về số lượng và chất lượng. Với số lượng sinh viên đông như hiện này thì mức độ sử dụng

quá cao dẫn đến sự xuống cấp nhanh chóng. Đặc biệt với trường Đại học Y khoa Vinh thì sân bãi và cơ sở vật chất quá nghèo nàn và thiếu thốn. Chính vì vậy việc nâng cấp và xây dựng mua sắm mới các hạng mục phục vụ công tác GDTC là điều cấp bách.

3.1.4. Thực trạng hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên các trường Đại học tại thành phố Vinh.

3.1.4.1. Thực trạng hoạt động tập luyện thể thao ngoại khóa.

Thực trạng sinh viên của các trường không tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa đang chiếm tỷ lệ tương đối cao, đặc biệt với trường Đại học Y khoa Vinh với tỷ lệ 84.2% (nữ) và 80.9% (nam), tiếp đến là trường Đại học kinh tế Nghệ An.

Bên cạnh đó nhu cầu tập luyện ngoại khóa các môn thể thao yêu thích nhất của sinh viên là cao nhưng do điều kiện về cơ sở vật chất còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Các môn thể thao mà sinh viên chủ yếu là: Bóng đá đối với nam, Aerobic đối với nữ, Bóng chuyền, Bóng chuyền hơi đối với nữ.

3.1.4.2. Thực trạng về hoạt động thi đấu.

- Thực trạng các trường Đại học tại Thành phố Vinh tổ chức các giải thể thao hàng năm là quá ít. Các trường mới tổ chức được hai môn bóng đá và bóng chuyền cho sinh viên toàn trường, riêng trường Đại học Y khoa Vinh không có sân vận động nên mỗi năm tổ chức một giải bóng chuyền cho sinh viên. Tham gia các giải thể thao ở Tỉnh tổ chức của các trường cũng chưa nhiều, cấp độ Bộ - Ngành tổ chức các giải thi đấu thể thao cho sinh viên trong 3 năm trở lại đây không có trường nào tham gia.

Từ thực trạng cho chúng ta thấy tỷ lệ sinh viên các trường Đại học tại thành phố Vinh tham gia các hoạt động TT ngoại khóa vẫn còn thấp. Số lượng các CLB TT hoạt động thường xuyên ở các trường là rất ít cụ thể trường Đại học Vinh có 01 CLB, Đại học SPKT Vinh 02, Đại học Y khoa Vinh là không có, Đại học Kinh tế Nghệ An là 01 CLB.

3.1.5. Thực trạng về giờ học giáo dục thể chất nội khóa ở các trường Đại học tại thành phố Vinh.

Qua đánh giá của sinh viên cho chúng ta thấy công tác chuẩn bị cho giờ dạy của giảng viên được sinh viên đánh giá tương đối

tốt. Tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong giờ giảng cũng được sinh viên đánh giá cao chiếm 69,6% trở lên và mức bình thường chiếm tỷ lệ từ 24,5% đến 29,6%. Tuy nhiên giờ giảng sinh viên đánh giá lại thiếu sinh động chưa khơi dậy được hứng thú học tập của sinh viên. Chính vì vậy với chương trình học các môn của nhà trường đang áp dụng còn đơn điệu chưa phong phú, chưa phát huy được sở thích của sinh viên nên tính hứng thú tự giác tập luyện TDTT nội khóa của sinh viên chưa cao.

3.1.6. Thực trạng về chất lượng giáo dục thể chất của sinh viên các trường Đại học tại thành phố Vinh.

3.1.6.1. Kết quả học tập.

Kết quả học tập môn GDTC của sinh viên các trường có tỷ lệ sinh viên đạt điểm loại khá giỏi(điểm A và B) còn ở mức độ thấp, loại dưới trung bình(D và F) đang còn chiếm tỷ lệ cao nên sinh viên phải học lại các học phần của GDTC còn rất nhiều. Điều này chứng tỏ trình độ thể lực và kỹ năng thực hành các môn thể thao của sinh viên đang còn thấp, đây là một điều đáng báo động cho công tác GDTC tại các trường Đại học tại thành phố Vinh.

3.1.6.2. Kết quả trình độ thể chất của sinh viên.

Để đánh giá về thực trạng chất lượng GDTC của sinh chúng tôi tiến hành khảo sát trình độ thể chất sinh viên ở năm thứ 1,2 dựa vào các chỉ số thể hình và tiêu chí đánh giá thể lực của Bộ GD & ĐT theo Quyết định 53/2008. Nội dung kiểm tra bao gồm: Chiều cao đứng, cân nặng, chỉ số BMI, công năng tim và 5 test thể lực Nằm ngửa gập bụng; Bật xa tại chỗ; Chạy 30m xuất phát cao; Chạy con thoi 4x10m; Chạy tùy sức 5 phút.

Qua nghiên cứu thực trạng chúng tôi đánh giá về thể hình và thể lực chung của sinh viên các trường Đại học tại thành phố Vinh tương đối đồng đều giữa các trường. So sánh với trung bình tiêu chuẩn Việt Nam và bộ tiêu chuẩn đánh giá thể lực của Bộ GD & ĐT thì nhìn chung vào kết quả trên cho chúng ta thấy thể hình của sinh viên các trường Đại học tại thành phố Vinh nằm ở mức độ bình thường (các chỉ số nằm ở ngưỡng trung bình so với TCTBVN). Còn thể lực chung của sinh viên các trường mặc dù học năm thứ 2 đã hoàn thành chương trình GDTC nội khóa

nhưng trình độ thể lực chung của sinh viên tỷ lệ % không đạt đang còn cao từ 34,13% - 61,45%.

3.1.7. Thực trạng công tác giáo dục thể chất của các trường Đại học tại thành phố Vinh qua đánh giá của sinh viên.

Để đánh giá thực trạng công tác GDTC của các trường từ những sinh viên đã học xong chương trình GDTC chúng tôi tiến hành phỏng vấn với mẫu phiếu chia thành 5 mức độ: Rất tốt; Tốt; Trung bình; Yếu ; Kém, chúng tôi phân theo tỷ lệ thứ tự để chấm điểm với 5 mức độ đó là: 5;4;3;2;1. Từ đó tiến hành phỏng vấn sinh viên về thực trạng công tác GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh kết quả:

Về GDTC chính khóa: Sinh viên đánh giá công tác GDTC chính khóa của các trường nằm ở giữa mức trung bình và yếu.

Về GDTC ngoại khóa: Sinh viên đánh giá công tác GDTC ngoại khóa của trường ĐH SPKT Vinh và ĐHKT Nghệ An nằm ở giữa mức trung bình và yếu, còn trường Đại học Vinh và ĐH Y khoa Vinh nằm ở giữa mức yếu và kém.

Về đội ngũ giảng viên: Sinh viên đánh giá đội ngũ giảng viên của các trường nằm ở giữa mức tốt và trung bình.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Sinh viên đánh giá cơ sở vật chất của trường Đại học Vinh nằm ở giữa mức tốt và trung bình, các trường còn lại nằm ở giữa mức trung bình và yếu.

3.1.8. Thực trạng sử dụng các nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất của các trường Đại học tại thành phố Vinh.

Để đánh giá thực trạng các trường đã và đang sử dụng các nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác GDTC và hiệu quả đạt đến mức độ nào, chúng tôi tiến hành phỏng vấn cán bộ quản lý và giáo viên giảng dạy GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh kết quả thu được cho chúng ta thấy các nhóm giải pháp: Nhóm giải pháp về thông tin tuyên truyền; Nhóm giải pháp về cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giảng viên TDTT; Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách; Nhóm giải pháp về chương trình nội khóa, ngoại khóa; Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất trang thiết bị thì được đánh giá ở các trường có sử dụng nhưng không

thường xuyên và chưa hiệu quả. Riêng nhóm giải pháp về xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường thì chưa hề sử dụng.

3.1.9. Các yếu tố và nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác giáo dục thể chất ở các trường Đại học tại thành phố Vinh.

Qua nghiên cứu luận án xác định có 7 yếu tố và 5 nguyên nhân ảnh hưởng hiệu quả công tác GDTC gồm:

- 7 yếu tố: Nhận thức, nội dung, cơ sở vật chất, chế độ chính sách, hoạt động thể thao ngoại khóa, sự phát triển kinh tế, thực trạng thể lực chung và kết quả học tập môn GDTC
- 5 nguyên nhân: Nhận thức của sinh viên còn hạn chế, nội dung chưa thích hợp, thiếu cơ sở vật chất, hoạt động ngoại khóa chưa phát triển, giảng viên không được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

3.2. Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất ở các trường Đại học tại thành phố Vinh.

3.2.1. Cơ sở lý luận đề xuất giải pháp.

3.2.1.1. Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý đề xuất giải pháp dựa trên những quan điểm, đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, của các Bộ ngành liên quan về việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và GDTC nói riêng. Cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện, các quy chế nội bộ của các trường đại học tại thành phố Vinh về công tác GDTC.

3.2.1.2. Cơ sở thực tiễn

Qua nghiên cứu và phân tích tổng hợp tài liệu thảm khảo chúng tôi đã định hướng được các yêu cầu khi lựa chọn giải pháp cần chú trọng tính thực tiễn, tính khả thi, tính hợp lý, tính đa dạng và đặc thù giữa các trường. Bởi đặc thù ngành nghề tào tạo của các trường là khác nhau nhưng đều tuân theo đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như các Bộ ngành.

3.2.2. Lựa chọn các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất ở các trường đại học tại thành phố Vinh

Từ nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn trên đề tài luận án đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác GDTC các trượng đại học tại thành phố Vinh như sau:

Nhóm giải pháp 1: Nhóm giải pháp về thông tin tuyên truyền

Nhóm giải pháp 2: Nhóm giải pháp về cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giảng viên TDTT

Nhóm giải pháp 3: Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách

Nhóm giải pháp 4: Nhóm giải pháp về chương trình nội khóa, ngoại khóa

Nhóm giải pháp 5: Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất trang thiết bị

Nhóm giải pháp 6: Nhóm giải pháp về xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường.

Từ những nhóm giải pháp trên chúng tôi xây dựng mẫu phiếu và phỏng vấn 40 cán bộ quản lý và giảng dạy GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh. Người được phỏng vấn trả lời bằng cách cho điểm theo thang độ Likert (5 mức):

1 điểm: Rất không đồng ý
2 điểm: Không đồng ý
3 điểm: Bình thường
4 điểm: Đồng ý
5 điểm: Rất đồng ý

Cả 6 nhóm giải pháp được phỏng vấn thì cán bộ quản lý và giảng dạy GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh đánh giá ở mức rất đồng ý và được lựa chọn để nâng cao chất lượng GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh

Sau khi lựa chọn được các nhóm giải pháp qua phỏng vấn, chúng tôi tiến hành xác định mức độ tin cậy của các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh bằng hệ số Cronbach's Alpha theo quy ước của De Vellis (1991). Kết quả cho thấy 6 nhóm giải pháp được lựa chọn đủ độ tin cậy, thể hiện ở hệ số Cronbach's Alpha tổng = 0.724> 0.60 theo quy định và hệ số tương quan của các biến thành phần với biến tổng đạt từ 0.335 tới 0.549>0.30. Điều này chứng tỏ 6 nhóm giải pháp chúng tôi đề xuất có hệ số tin cậy cao và không có

nhóm giải pháp nào bị loại bỏ.

3.2.3. Mục đích, nội dung và cách thực hiện các giải pháp được lựa chọn.

Từ những nhóm giải pháp được lựa chọn ở trên chúng tôi tiến hành xây dựng các giải pháp cụ thể từ mục đích, nội dung, và cách thực hiện để tiến hành thực nghiệm trên đối tượng nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng công tác GDTC cho các trường đại học tại thành phố Vinh.

3.2.4. Phỏng vấn các chuyên gia và cán bộ giảng viên về các giải pháp của 6 nhóm giải pháp đã lựa chọn.

Từ những giải pháp trên chúng tôi xây dựng mẫu phiếu và phỏng vấn 40 cán bộ quản lý và giảng dạy GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh. Người được phỏng vấn trả lời bằng cách cho điểm theo thang độ Likert (5 mức):

1 điểm: Rất không đồng ý
2 điểm: Không đồng ý
3 điểm: Bình thường
4 điểm: Đồng ý
5 điểm: Rất đồng ý

Các giải pháp thuộc các nhóm giải pháp được lựa chọn và đề xuất đều được các cán bộ quản lý và giảng dạy GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh đánh giá ở mức rất đồng ý và được lựa chọn để nâng cao chất lượng GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh.

Tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy trong quá trình phỏng vấn, chúng tôi tiến hành kiểm tra mức độ tin cậy của các biện pháp thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy 22 giải pháp của 6 nhóm giải pháp được lựa chọn đủ độ tin cậy, thể hiện ở hệ số Cronbach's Alpha tổng = 0.715> 0.60 theo quy định và hệ số tương quan của các biến thành phần với biến tổng đạt từ 0.388 tới 0.678>0.30. Như vậy qua khảo sát chúng tôi chọn 22 giải pháp trong 6 nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho các trường đại học tại thành phố Vinh là rất cần thiết. Các giải pháp này đã được các nhà quản lý và giảng viên các trường đại học tại thành phố Vinh lựa chọn ở mức độ rất đồng ý.

3.3. Hiệu quả của các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh.

Với điều kiện cơ sở vật chất, con người, kinh phí nghiên cứu và khả năng của bản thân không thể thực hiện một lúc tất cả các giải pháp đã lựa chọn ở các trường đại học tại thành phố Vinh trong một thời điểm. Chính vì vậy, căn cứ vào thực tiễn các trường đại học tại thành phố Vinh, bên cạnh thực hiện thường xuyên các giải pháp thông tin tuyên truyền đây là chủ trương đường lối là kim chỉ nam cho mọi hoạt động TDTT của các trường. Thì trước mắt chúng tôi tiến hành thực nghiệm ở trường Đại học Vinh với 02 giải pháp sau:

Giải pháp 3 của nhóm giải pháp về chương trình nội khóa, ngoại khóa đó là:

Giải pháp 3: Cải tiến nội dung và hình thức tổ chức TDTT ngoại khóa theo hướng đa dạng phong phú các môn thể thao, ưu tiên các môn thể thao quần chúng, thành lập các câu lạc bộ thể thao có giáo viên hướng dẫn.

Giải pháp 2 của nhóm giải pháp về xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường

Giải pháp 2: Kêu gọi các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân đồng hành với các hoạt động của sinh viên như (hỗ trợ vật chất cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng những sinh viên có thành tích xuất sắc, tài trợ cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT của sinh viên…).

3.3.1. Xây dựng kế hoạch thực nghiệm

Có tới 8 câu lạc bộ(CLB) thể thao được sinh viên đăng ký tập luyện ngoại khóa, chúng tôi xây dựng kế hoạch thực nghiệm mỗi tuần 3 buổi và kéo dài trong 10 tháng. Nhưng chúng tôi chọn 4 CLB để thực hiện đánh giá các test thể lực theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGD&ĐT, các CLB khác vẫn tiến hành tập luyện ngoại khóa bình thường.

Tổ chức thực hiện các biện pháp xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường: Với biện pháp của giải pháp về xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường chúng tôi phối

hợp với Trung tâm dịch vụ - Hỗ trợ sinh viên và QHDN của trường Đại học Vinh để tiến hành thực hiện các biện pháp đã lựa chọn trên. Để triển khai các biện pháp trên chúng tôi tiến hành liệt kê các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và cá nhân có liên quan mật thiết trong mọi lĩnh vực hợp tác với nhà trường. Từ đó lên kế hoạch kêu gọi tài trợ cho các hoạt động TDTT của sinh viên nhà trường.

Trước khi thực nghiệm luận án đã lựa chọn đối tượng thực nghiệm và kiểm tra trình độ thể lực chung của các nhóm sinh viên theo CLB chúng tôi đánh giá trình độ thể lực chung ở 5 test của nam và nữ sinh viên các nhóm thực nghiệm so với các nhóm đối chứng không có sự khác biệt ở ngưỡng xác suất $P > 0,05$ khi $T_{Tính} < T_{Bảng}$. Bên cạnh đó giá trị hệ số biến sai C_v của các test đều nhỏ hơn 10%, điều này chứng tỏ trình độ thể lực chung trước thực nghiệm của nam và nữ sinh viên các nhóm là tương đối đồng đều. Từ đó chúng ta có thể tiến hành thực nghiệm và so sánh song song trên các nhóm đối tượng trên. Như vậy sinh viên nam và nữ của các nhóm thực nghiệm và đối chứng được đánh giá là tương đương nhau không có sự khác biệt về trình độ thể lực trước thực nghiệm.

3.3.2. Kết quả sau thực nghiệm

Từ kế hoạch thực nghiệm được thể hiện ở bảng 3.22 chúng tôi tiến hành giảng dạy các CLB ngoại khóa theo lịch mỗi tuần 3 buổi, mỗi buổi tập luyện 120 phút thực nghiệm trong 10 tháng theo chương trình và giáo án của giáo viên khoa GDTC. Song song với thực nghiệm các CLB thể thao ngoại khóa thì luận án chúng tôi tiến hành thực nghiệm các biện pháp xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường.

3.3.2.1. Đánh giá trình độ thể lực chung của sinh viên các câu lạc bộ ngoại khóa sau thực nghiệm.

Sau thực nghiệm luận án tiến hành kiểm tra trình độ thể lực chung của sinh viên các CLB thể thao ngoại khóa với 5 test như trước thực nghiệm và kết quả được thể hiện ở bảng 3.25 dưới đây:

Bảng 3.25: So sánh kết quả 5 test thể lực chung sau thực nghiệm của sinh viên nam và nữ trường Đại học Vinh ở nhóm thực nghiệm và đối chứng.

Giới tính	Nhóm		Nằm ngửa gập bụng tối đa (lần/30s)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30m xuất phát cao (giây)	Chạy con thoi 4 x 10m(giây)	Chạy tùy sức 5 phút (m)
Nam	ĐC1 (n=43)	$\bar{X} \pm \delta$	15,63 ± 0,52	207,3 ± 4,0	5,73 ± 0,13	13,48 ± 0,39	866,6 ± 18,55
	TN1 (n=42)	$\bar{X} \pm \delta$	18,45 ± 0,56	230,5±4,19	5,43±0,10	12,71±0,31	942,2±16,16
		$T_{Tính\ 1}$	**23,90**	**26,07**	**12,00**	**10,13**	**20,05**
	TN2 (n=43)	$\bar{X} \pm \delta$	19,07 ± 0,53	227,8±3,84	5,37±0,16	12,44±0,33	956,4±16,60
		$T_{Tính\ 2}$	**30,44**	**24,23**	**11,61**	**13,51**	**23,66**
Nữ	ĐC2 (n=42)	$\bar{X} \pm \delta$	13,19 ± 0,64	155,2 ± 3,56	6,78 ± 0,14	14,22 ± 0,56	770,6 ± 14,71
	TN3 (n=40)	$\bar{X} \pm \delta$	16,43 ± 0,52	164,3±3,30	6,51±0,13	13,04±0,43	839,2±15,45
		$T_{Tính\ 3}$	**24,92**	**12,00**	**9,00**	**10,72**	**20,61**
	TN4 (n=40)	$\bar{X} \pm \delta$	16,28 ±0,65	167,1±4,11	6,32±0,19	12,67±0,48	854,7±16,66
		$T_{Tính\ 4}$	**21,60**	**13,92**	**12,43**	**13,47**	**10,395**
$T_{Bảng}$		**2,708**					
P		**<0,01**					

Qua bảng 3.25 chúng ta thấy trình độ thể chực chung ở 5 test của:

Sinh viên nam ở nhóm thực nghiệm 1 và nhóm thực nghiệm 2 so với nhóm đối chứng 1 sau thực nghiệm ở 5 test thể lực có sự khác biệt rất lớn ở ngưỡng xác suất P > 0,01 khi $T_{Tính\ 1}$ và $T_{Tính\ 2} > T_{Bảng}$.

Sinh viên nữ ở nhóm thực nghiệm 3 và nhóm thực nghiệm 4 so với nhóm đối chứng 2 sau thực nghiệm ở 5 test thể lực có sự khác biệt rất lớn ở ngưỡng xác suất P > 0,01 khi $T_{Tính\ 3}$ và $T_{Tính\ 4} > T_{Bảng}$.

Như vậy sau thực nghiệm trình độ thể lực chung của sinh viên nam và nữ ở các nhóm thực nghiệm đã cải thiện rõ rệt. Điều này chứng tỏ dưới tác động của việc luyện tập thể thao ngoại khóa thường xuyên dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên đã nâng cao được thể lực cho bản thân rất đáng kể.

Từ kết quả trên chúng tôi đánh giá nhịp tăng trưởng trung bình của các nhóm sau thực nghiệm được thể hiện ở bảng 3.28 dưới đây:

Bảng 3.28. So sánh nhịp độ tăng trưởng trung bình 5 test thể lực của các nhóm thực nghiệm và đối chứng sau thực nghiệm

Giới tính	Test	Nhịp độ tăng trưởng trung bình $\overline{W}$	
		Nhóm đối chứng	*Nhóm thực nghiệm*
Nam	Nằm ngửa gập bụng tối đa (lần/30s)	5,39	22,59
	Bật xa tại chỗ (cm)	2,49	12,38
	Chạy 30m xuất phát cao (giây)	0,52	6,45
	Chạy con thoi 4 x 10m(giây)	1,03	7,29
	Chạy tùy sức 5 phút (m)	0,86	9,81
Nữ	Nằm ngửa gập bụng tối đa (lần/30s)	3,47	22,94
	Bật xa tại chỗ (cm)	0,91	7,27
	Chạy 30m xuất phát cao (giây)	1,32	7,57
	Chạy con thoi 4 x 10m(giây)	1,47	11,52
	Chạy tùy sức 5 phút (m)	0,64	10,04

Qua bảng 3.28 chúng ta thấy nhịp độ tăng trưởng trung bình của nhóm thực nghiệm nam cao nhất là test nằm ngửa gập bụng tối đa với 22,59%, so với nhóm ĐC chỉ là 5,39%. Ở nữ cao nhất là test nằm ngửa gập bụng tối đa với 22,94%, so với nhóm ĐC chỉ là 3,47%.

Từ kết quả trên chúng tôi đem so sánh với tiêu chuẩn đánh giá thể lực của Bộ GD&ĐT theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGD&ĐT cho chúng ta thấy sau thực nghiệm, nhóm thực nghiệm nam tỷ lệ % loại tốt chiếm 45,17%, loại đạt chiếm 33,65%, loại không đạt còn 21,18%. Ở nhóm thực nghiệm nữ tỷ lệ % loại tốt chiếm 35,00%, loại đạt chiếm 43,75%, loại không đạt còn 21,25%. Như vậy sau thực nghiệm thể lực của sinh viên trường Đại học Vinh ở nhóm thực nghiệm tỷ lệ % loại không đạt đã giảm rất nhiều so với trước thực nghiệm.

3.3.2.2. Đánh giá về số lượng, chất lượng các câu lạc bộ thể

thao được thành lập mới, số lượng sinh viên tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa và thành tích của các đội tuyển thể thao nhà trường.

Sau 10 tháng thực nghiệm với giải pháp xây dựng các CLB thể thao ngoại khóa có giáo viên hướng dẫn chúng tôi đã thu được kết quả rất khả quan về phong trào tập luyện TT ngoại khóa của sinh viên. Ngoài 08 CLB thể thao được tổ chức bài bản và có giáo viên hướng dẫn đó là: CLB Bóng chuyền, CLB Bóng chuyền hơi, CLB Bóng đá, CLB Taekwondo, CLB Aerobic, CLB Bóng rổ, CLB cầu lông và CLB Yoga- Zumba - Gym tại trung tâm thể thao HD của nhà trường. Thì các đội bóng đá FC của sinh viên nhà trường thi đấu mỗi tuần 2-3 buổi cũng tăng lên rất nhiều. Bao gồm FC theo các trường THPT của những sinh viên đang học ở các trường ĐH-CĐ tại thành phố Vinh và FC theo các lớp sinh viên tại trường Đại học Vinh…Số lượng sinh viên tham gia các hoạt động TT ngoại khóa, số CLB thể thao mới thành lập và các giải thể thao được nhà trường tổ chức cũng như các đội tuyển thể thao của trường tham gia các giải thể thao cấp trên tổ chức được thể hiện ở bảng 3.30 dưới đây:

Bảng 3.30: Số lượng sinh viên trường Đại học Vinh tham gia các hoạt động thể thao ngoại khóa và thành tích các giải thể thao được tổ chức sau thực nghiệm.

TT	Nội dung		Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm	
			m_i	%	m_i	%
1	***Tổng số sinh viên được phỏng vấn***		762		762	
2	***Số sinh viên tham gia các hoạt động TT***	Ngoại khóa	261	34,2	436	57,22
		Thi đấu TT cấp trường	11	1,44	72	9,45
		Đội tuyển trường	02	0,26	5	0,66
		Tổng số SV tham gia các HĐ TT	274	35,96	513	67,32
3	***Số lượng CLB TT hoạt động thường xuyên***		01		08	
4	***Số lượng giải thể thao do trường tổ chức***		02		05	
5	***Số lượng đội tuyển trường tham gia các giải thể thao***		02		05	
6	***Thành tích của các đội tuyển thể thao trường***		1 nhì, 1 ba		4 nhất, 1 nhì	

Qua bảng 3.30 cho chúng ta thấy:

Số lượng sinh viên toàn trường tham gia các hoạt động thể thao ngoại khóa đã tăng lên rất nhiều 67,32% so với 35,96% trước thực nghiệm.

Số lượng giải thể thao do trường Đại học Vinh tổ chức đã tăng lên 05 giải/năm so với 02 giải/ năm như những năm trước. Số

lượng đội tuyển thể thao của trường tham gia các giải do các cấp tổ chức đã tăng lên 05 giải/năm so với 02 giải/năm như những năm trước. Và kết quả đạt được cũng rất cao với 04 giải nhất và 01 giải nhì so với 01 giải nhì và 01 giải ba so với trước thực nghiệm.

3.3.2.3. Đánh giá về kết quả học tập của sinh viên thực nghiệm so với sinh viên các khóa trước khi đã học xong chương trình GDTC nội khóa.

Do chương trình GDTC nội khóa của trường Đại học Vinh là học tập trung trong 1 học kỳ nên đối tượng thực nghiệm là sinh viên năm thứ nhất (khóa 58) khi chưa học môn GDTC nội khóa. Sau khi tiến hành thực nghiệm với việc tổ chức các CLB thể thao ngoại khóa xong mới học môn GDTC tập trung vào kỳ 1 năm học 2018-2019. Chính vì vậy chúng tôi đem so sách kết quả học tập của sinh viên khóa 58 (được tổ chức tham gia các CLB thể thao ngoại khóa) với sinh viên các khóa trước đã học xong chương trình GDTC khi chưa tham gia các CLB thể thao để tập luyện ngoại khóa. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.31 dưới đây:

Bảng 3.31. So sánh kết quả học tập thực hành giáo dục thể chất của sinh viên khóa 58 với các năm học trước ở trường Đại học Vinh sau thực nghiệm.

Năm học	Loại		
	Khá + giỏi (%)	Trung bình (%)	Dưới TB (%)
Năm học 2014-2015	27,6	58,6	13,8
Năm học 2015-2016	29,2	60,4	12,4
Năm học 2016-2017	22,7	70,2	7,1
Đối tượng TN (Khóa 58)	**50,3**	**46,5**	**3,2**

Qua bảng 3.31 cho thấy kết quả học môn GDTC nội khóa của nhóm thực nghiệm đã tốt hơn rất nhiều so với các năm học trước cụ thể loại khá+giỏi chiếm 50,3%, loại trung bình 46,5%, loại dưới trung bình còn 3,2%.

3.3.2.4. Đánh giá hiệu quả việc kêu gọi nguồn kinh phí tài trợ cho các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường từ các

tổ chức xã hội, doanh nghiệp, các cá nhân.

Hiệu quả của biện pháp kêu gọi sự chung tay từ các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và cá nhân tài trợ kinh phí cho các hoạt động TDTT của trường Đại học Vinh trong hai năm học vừa qua được thể hiện ở bảng 3.32 dưới đây:

Bảng 3.32: Số lượng kinh phí các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân tài trợ cho các hoạt động thể dục thể thao trường Đại học Vinh.

TT	Đối tượng tài trợ	Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018 - 2019	
		m_i	%	m_i	%
1	Các DN và TCXH ngoài trường	93.500.000	53,92	204.000.000	85,53
2	Các cá nhân ngoài trường	34.600.000	19,95	6.000.000	2,52
3	Các đơn vị trong trường	10.000.000	5,77	10.000.000	4,19
4	Các cá nhân trong trường	35.300.000	20,36	18.500.000	7,76
5	**Tổng**	**173.400.000**		**238.500.000**	

(Danh sách các DN, TCXH, cá nhân tài trợ được thể hiện cụ thể ở phụ lục…)

Qua bảng 3.32 chúng ta thấy hiệu quả của việc xã hội hóa trong việc góp phần nâng cao số lượng và chất lượng các giải thể thao của nhà trường là rất đáng khích lệ với nguồn kinh phí cụ thể:

Năm học 2017-2018 chúng tôi kêu gọi tài trợ cho các hoạt động TDTT của nhà trường là 173.400.000đ trong đó

Năm học 2018-2019 chúng tôi kêu gọi tài trợ cho các hoạt động TDTT của nhà trường là 238.500.000đ trong đó

Như vậy bên cạnh các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, cá nhân ngoài trường thì các công đoàn cơ sở và cá nhân trong trường cũng chung tay với các hoạt động TDTT của nhà trường. Chúng ta thấy việc kêu gọi tài trợ cho các hoạt động TDTT của

sinh viên và cán bộ nhà trường bước đầu là rất hiệu quả và ý nghĩa thiết thực. Bên cạnh giúp cho Đoàn thanh niên và Công đoàn trường có thêm kinh phí tổ chức các giải thể thao được thành công và bài bản chuyên nghiệp hơn thì Ban tổ chức các giải thể thao đã trao những phần quà học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập từ nguồn kinh phí được tài trợ trên.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu luận án chúng tôi đi đến một số kết luận sau:

Kết luận thứ 1: Chương trình giảng dạy GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh chưa bám sát hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, tổ chức giảng dạy quấn chiếu trong 1-2 học kỳ là bất hợp lý. Tính giờ quy chuẩn cho giảng viên còn thấp, nội dung giảng dạy chưa đa dạng phong phú chưa hướng đến các môn thể thao tự chọn. Sơ cở vật chất còn thiếu về số lượng và kém về chất lượng đặc biệt là trường ĐH Y khoa Vinh. Các giải thể thao của sinh viên do các trường tổ chức còn ít và không ổn định. Thực trạng trình độ thể lực chung của sinh viên các trường đại học tại thành phố Vinh được đánh giá còn yếu khi kiểm tra 5 test thì mới đạt ở test bật xa tại chỗ các test còn lại đều không đạt. Đối chiếu kết quả xếp loại thể lực của 5 test với Quyết định 53/2008/QĐ của Bộ GD&ĐT sinh viên các trường đại học tại thành phố Vinh thể lực loại không đạt còn chiếm tỷ lệ rất cao.

Thực trạng về tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên các trường còn thấp mới mang tính tự phát chưa có sự tổ chức bài bản. Tỷ lệ trung bình số lượng sinh viên tham gia tập luyện thể thao ngoại khóa tối thiểu 1 buổi/tuần mới đạt 33,39% là rất thấp so với tiêu chuẩn hướng tới của Chính phủ đề ra.

Kết luận thứ 2: Luận án đã lựa chọn được 06 nhóm giải pháp với 22 giải pháp thích hợp nhằm nâng cao công tác GDTC ở các trường đại học tại thành phố Vinh đó là:

Nhóm giải pháp 1: Nhóm giải pháp về thông tin tuyên truyền có 2 giải pháp

Nhóm giải pháp 2: Nhóm giải pháp về cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giảng viên TDTT có 6 giải pháp

Nhóm giải pháp 3: Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách có 3 giải pháp

Nhóm giải pháp 4: Nhóm giải pháp về chương trình nội khóa, ngoại khóa có 4 giải pháp

Nhóm giải pháp 5: Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất trang thiết bị có 3 giải pháp

Nhóm giải pháp 6: Nhóm giải pháp về xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường có 4 giải pháp.

Với 2 giải pháp đã lựa chọn để tiến hành thực nghiệm trong 10 tháng và đã thu được kết quả rất khả quan. Bước đầu chúng tôi đã thành lập và duy trì được 08 CLB thể thao tập luyện thường xuyên liên tục có giáo viên hướng dẫn đó là: CLB Bóng chuyền, CLB Bóng chuyền hơi, CLB Bóng đá, CLB Taekwondo, CLB Aerobic, CLB Bóng rổ, CLB cầu lông và CLB Yoga-Zumba – Gym.

Kết luận thứ 3: Sau thực nghiệm, luận án chúng tôi đã thu được kết quả cụ thể:

Số lượng sinh viên toàn trường tham gia các hoạt động thể thao ngoại khóa đã tăng lên rất nhiều 67,32% so với 35,96% trước thực nghiệm.

Số lượng giải thể thao do trường Đại học Vinh tổ chức và tham gia các giải thể thao cấp trên tổ chức đã tăng lên 05 giải/năm so với 02 giải/ năm như những năm trước. Và kết quả đạt được cũng rất cao với 04 giải nhất và 01 giải nhì so với 01 giải nhì và 01 giải ba so với trước thực nghiệm.

Sau thực nghiệm thể lực chung của sinh viên nhóm thực nghiệm đã tốt hơn rất nhiều ở 5 test cụ thể: Sinh viên nam loại tốt là 45,17% so với 8,65% trước TN, loại không đạt còn 21,18% so với 40,53 trước TN; Sinh viên nữ loại tốt là 35% so với 6,43% trước TN, loại không đạt còn 22,25% so với 52% trước TN.

Kết quả học môn GDTC nội khóa của nhóm thực nghiệm đã tốt hơn rất nhiều so với các năm học trước cụ thể loại khá+giỏi chiếm 50,3%, loại trung bình 46,5%, loại dưới trung

bình còn 3,2%.

Với giải pháp xã hội hóa trong các hoạt động TDTT của nhà trường trong hai năm học 2017-2018 và 2018-2019 chúng tôi đã kêu gọi tài trợ cho các hoạt động TDTT của nhà trường với tổng kinh phí 391.900.000đ từ các cá nhân, tập thể doanh nghiệp và tổ chức xã hội cũng như các cá nhân và tập thể trong trường.

KIẾN NGHỊ

Từ những kết quả nghiên cứu trên luận án đưa ra một số kiến nghị sau:

Qua kết quả đạt được chúng tôi kiến nghị các trường đại học khác tại thành phố Vinh trước mắt nên áp dụng với 2 giải pháp trên cùng với giải pháp thông tin tuyên truyền nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC của nhà trường. Các giải pháp còn lại tùy thuộc vào điều kiện và thời điểm để tiến hành thực hiện hợp lý.

Các trường đại học tại thành phố Vinh hàng năm nên đưa việc kiểm tra đánh giá thể lực chung của sinh viên theo bộ tiêu chuẩn của Bộ đề ra, qua đó thúc đẩy tinh thần tự giác tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên liên tục nhằm nâng cao sức khỏe của sinh viên.

Trường Đại học Vinh tổ chức giảng dạy quấn chiếu trong 1 học kỳ hoặc 6 tuần thì luận án đề xuất thời gian đó chỉ nên tổ chức giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện. Thi đánh giá nên để thực hiện vào năm cuối trước khi cấp chứng chỉ GDTC ra trường.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Văn Đình Cường (2019), "Thực trạng và nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của sinh viên các trường đại học tại thành phố Vinh" *Tạp chí khoa học Đào tạo và huấn luyện thể thao trường ĐH TDTT Bắc Ninh số 04-2019, trang 49-51.*
2. Văn Đình Cường (2019), "Thực trạng thể lực chung của sinh viên các trường đại học tại thành phố Vinh" *Tạp chí khoa học Đào tạo và huấn luyện thể thao trường ĐH TDTT Bắc Ninh số 05-2019, trang 32-37.*